

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 20-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Dệt.

2. Bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 340/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Quang N, sinh năm 1983.

Nơi thường trú: thôn Đ, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1983.

Nơi thường trú: thôn Đ, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện tại: thôn B, xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Quang N trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Lê Quang N và chị Đỗ Thị H kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định vào ngày 07/7/2006.

Quá trình chung sống, vợ chồng luôn xảy ra bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mặc dù đã nhiều lần động viên hòa giải, nhưng tình trạng mâu thuẫn trong gia đình vẫn không thể cải thiện được. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng, đến tháng 4 năm 2018 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị H.

- *Về con chung*: Anh Lê Quang N và chị Đỗ Thị H có 03 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 23/6/2006; Lê Đỗ Thị Thanh T1, sinh ngày 05/11/2007 và Lê Thùy L, sinh ngày 19/7/2017. Các con phát triển bình thường về trí tuệ và thể chất. Hiện nay con Lê Thị T đang ở với anh N tại xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Con Lê Đỗ Thị Thanh T1 và Lê Thùy L đang ở cùng với chị H tại thôn B, xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Khi ly hôn anh N xin được chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Thị T và giao 02 con Lê Đỗ Thị Thanh T1 và Lê Thùy L cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung và anh N không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn Đỗ Thị H*: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc gửi thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Chị H biết việc anh N làm đơn ly hôn chị và chị biết việc Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị thông qua gia đình, nhưng trong thời hạn 15 ngày chị H không gửi ý kiến của chị đối với yêu cầu của anh N và không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình bà Lê Thị P (mẹ đẻ chị H) tại thôn B, xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Bà Lê Thị P cho biết: Con gái bà Đỗ Thị H kết hôn với anh Lê Quang N vào năm 2006. Quá trình chung sống anh, chị xảy ra mâu thuẫn như thế nào bà không biết. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị H đưa 02 con về nhà bà ở khoảng 4 năm nay.

Chị H đã nhận được bản sao đơn khởi kiện và tài liệu do anh N gửi, chị có trao đổi lại với gia đình bà: về hôn nhân, chị đồng ý ly hôn anh N vì vợ chồng tình cảm dành cho nhau không còn và không thể quay về chung sống đoàn tụ. Về con chung: Chị H và anh N có 03 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 23/6/2006; Lê Đỗ Thị Thanh T1, sinh ngày 05/11/2007 và Lê Thùy L, sinh ngày 19/7/2017. Cháu T ở cùng với anh N, cháu T1 và cháu L ở cùng với gia đình bà. Nguyên vọng của chị H khi ly hôn là tiếp tục được nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con Lê Đỗ Thị Thanh T1 và Lê Thùy L và giao con Lê Thị T cho anh N nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Anh N và chị H không có tài sản chung.

Văn bản của Tòa án gửi đến cho chị H, bà là người trực tiếp nhận và bà thông báo qua điện thoại cho chị H được biết và bà hứa sẽ giao lại ngay tận tay chị H khi về nhà.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với chị H chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng chị H vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị xét xử vắng mặt chị H theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh Lê Quang N, tuy nhiên anh N đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt anh N là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Anh Lê Quang N và chị Đỗ Thị H kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định vào ngày 07/7/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống vì vậy thường xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đến tháng 4/2018 chị H đã đưa cháu Lê Đỗ Thị Thanh T1 và Lê Thùy L về nhà mẹ đẻ ở, còn cháu Lê Thị T ở với anh N; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau, nay anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn chị H.

+ Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 23/6/2006; Lê Đỗ Thị Thanh T1, sinh ngày 05/11/2007 và Lê Thùy L, sinh ngày 19/7/2017, hiện nay cháu Lê Đỗ Thị Thanh T1 và Lê Thùy L đang ở với chị H còn cháu Lê Thị T ở với anh N. Nguyên vọng của anh N là được nuôi cháu T sau khi vợ chồng ly hôn còn cháu T1 và cháu L giao chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy hai bên đương sự đã sống ly thân một thời gian dài, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải giữa các bên đương sự, chị H đã nhận được thông báo về phiên hòa giải nhưng không có mặt, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng

đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh N được ly hôn chị H.

Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N, giao cháu Lê Thị T, sinh ngày 23/6/2006 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Đỗ Thị Thanh T1, sinh ngày 05/11/2007 và Lê Thùy L, sinh ngày 19/7/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Đỗ Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị H đến Tòa án làm việc nhưng chị H không đến và vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án giữa anh N và chị H thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt chị Đỗ Thị H, vì vậy, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; anh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh N theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

** Về quan hệ hôn nhân:*

Anh Lê Quang N và chị Đỗ Thị H kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/2006, ngày 07/7/2006; vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Theo anh N trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn xảy ra bất đồng quan

điểm về mọi mặt trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Anh N và chị H sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, bỏ mặc nhau, không ai quan tâm đến ai, làm cho mâu thuẫn gia đình ngày càng thêm trầm trọng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên chị H đã nhận được thông báo nhưng vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ chị H không còn muốn níu kéo tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn đã đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Anh N và chị H sống ly thân đã lâu. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng dành cho nhau đã chấm dứt. Anh N xin ly hôn, chị H đồng ý ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của anh N, xử cho anh N được ly hôn chị H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**Về con chung:* Anh Lê Quang N và chị Đỗ Thị H có 03 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 23/6/2006; Lê Đỗ Thị Thanh T1, sinh ngày 05/11/2007 và Lê Thùy L, sinh ngày 19/7/2017, hiện nay cháu T đang sống cùng anh N, cháu T1 và cháu L đang sống cùng chị H. Sau khi ly hôn, anh N xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Lê Thị T; chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Lê Đỗ Thị Thanh T1 và Lê Thùy L. Anh N và chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng xin được nuôi con của anh N và chị H là chính đáng và cũng phù hợp với nguyên vọng của cháu Lê Thị T xin được ở với bố và Lê Đỗ Thị Thanh T1 xin được ở với mẹ. Vì vậy, giao con Lê Thị T cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Lê Đỗ Thị Thanh T1 và Lê Thùy L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh N và chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

** Về tài sản chung:* Anh N và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Anh Lê Quang N khởi kiện vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Lê Quang N được ly hôn chị Đỗ Thị H.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Lê Thị T, sinh ngày 23/6/2006 cho anh Lê Quang N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

2.2. Giao cháu Lê Đỗ Thị Thanh T1, sinh ngày 05/11/2007 và Lê Thùy L, sinh ngày 19/7/2017 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh N và chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên đương sự có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền lợi của các con, hai bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Anh N và chị H không yêu cầu nên không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Lê Quang N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007145 ngày 20/12/2022; chấp nhận anh N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh N và chị H. Anh N và chị H có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Y, Ý Yên, Nam Định;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh